

Số: 31 /2007/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 12 tháng 7 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý Tài nguyên nước
trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 20/5/1998;

Căn cứ Nghị định số 179/1999/NĐ-CP ngày 30/12/1999 của Chính phủ quy định việc thi hành Luật Tài nguyên nước; Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/7/2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;

Căn cứ Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24/6/2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thi hành Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27/7/2004 của Chính phủ; Thông tư Liên tịch số 01/2003/TTLT-BTNMT-BNV ngày 15/7/2003 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của cơ quan chuyên môn giúp UBND quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường ở địa phương;

Căn cứ Quyết định số 17/2006/QĐ-BTNMT ngày 12/10/2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định về việc cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại văn bản số 416/TNMT-TNN ngày 08/5/2007 và văn bản số 628/TNMT-TTN ngày 03/7/2007 kèm Báo cáo thẩm định số 284/BC-STP ngày 22/5/2007 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định quản lý Tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- VP Đoàn Đại biểu Quốc Hội tỉnh;
- Báo Hà Tĩnh, Đài PTTH tỉnh;
- Các PVP/UBND tỉnh, các tổ Chuyên viên;
- Lưu: VT, NL

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Minh Kỳ

QUY ĐỊNH

Quản lý Tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 31/2007/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2007
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định các hoạt động về quản lý, bảo vệ, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước (trừ nước khoáng và nước nóng thiên nhiên), xả nước thải vào nguồn nước, hành nghề khoan nước dưới đất, phòng, chống và khắc phục hậu quả do nước gây ra (gọi chung là hoạt động tài nguyên nước) trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. Các nội dung không đề cập trong quy định này được thực hiện theo các quy định khác của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với mọi tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức cá nhân nước ngoài (gọi tắt là tổ chức, cá nhân) có các hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 3. Trách nhiệm bảo vệ tài nguyên nước

1. Cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi cá nhân có trách nhiệm bảo vệ tài nguyên nước;
2. Chính quyền địa phương các cấp có trách nhiệm bảo vệ tài nguyên nước tại địa phương;
3. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thường xuyên bảo vệ nguồn nước do mình trực tiếp khai thác, sử dụng.

Điều 4. Các tổ chức, cá nhân được phép của cơ quan có thẩm quyền khi tiến hành điều tra, khảo sát và thăm dò tài nguyên nước trên địa bàn phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu sau:

1. Phải đăng ký khu vực hoạt động tài nguyên nước, nội dung, thời gian hoạt động và tiến độ thực hiện đề án tại cơ quan Tài nguyên và Môi trường các cấp theo thẩm quyền quy định tại Điều 7 quy định này;
2. Thực hiện đầy đủ các quy định của nhà nước, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn lao động và bảo vệ môi trường sinh thái.

Chương II

CẤP PHÉP HOẠT ĐỘNG TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 5. Nguyên tắc và căn cứ cấp phép

Nguyên tắc và căn cứ cấp phép hoạt động tài nguyên nước, áp dụng theo Điều 4 và Điều 5 Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và Điều 6 Quy định về hành nghề khoan nước dưới đất ban hành kèm theo Quyết định số 17/2006/QĐ-BTNMT ngày 12 tháng 10 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 6. Các trường hợp không phải xin phép

1. Các công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất và xả nước thải vào nguồn nước không phải xin phép nhưng phải đăng ký:

a) Khai thác, sử dụng nước dưới đất trong phạm vi gia đình với lưu lượng dưới $10\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm không nhằm mục đích kinh doanh, phục vụ sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, sản xuất tiểu thủ công nghiệp và cho các mục đích khác mà không nằm trong vùng cấm, vùng hạn chế khai thác;

b) Khai thác, sử dụng nước dưới đất không nhằm mục đích kinh doanh, phục vụ các hoạt động, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, hải sản, thể thao, y tế, an dưỡng, nghiên cứu khoa học mà không nằm trong vùng cấm, vùng hạn chế khai thác;

c) Khai thác, sử dụng nước dưới đất từ các công trình khai thác mới thay thế công trình đã bị hư hỏng hoặc giảm công suất khai thác, có lưu lượng khai thác không lớn hơn và mực nước hạ thấp nhỏ hơn giới hạn cho phép đã được xác định trong giấy phép, nằm trong khu vực khai thác đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép;

d) Xả nước thải vào nguồn nước trong phạm vi gia đình với lưu lượng từ 2 đến $9\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm;

2. Các công trình khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển không phải xin phép:

a) Khai thác, sử dụng nước mặt trong phạm vi gia đình với lưu lượng không vượt quá $0,02\text{m}^3/\text{giây}$ phục vụ sản xuất nông nghiệp;

b) Khai thác sử dụng nước mặt trong phạm vi gia đình với lưu lượng dưới $100\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm phục vụ sinh hoạt, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, sản xuất tiểu thủ công nghiệp và cho các mục đích khác;

c) Khai thác sử dụng nước mặt trong phạm vi gia đình để phát điện, không chuyển đổi dòng chảy với công suất lắp máy dưới 50kw;

d) Khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển trong phạm vi đất được giao, được thuê theo quy định của Luật Đất đai, Luật Tài nguyên nước và các quy định khác của pháp luật;

đ) Khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển không nhằm mục đích kinh doanh, phục vụ các hoạt động lâm nghiệp, giao thông thủy, nuôi trồng thủy hải sản, sản xuất muối, thể thao, giải trí, du lịch, an dưỡng, nghiên cứu khoa học.

3. Các trường hợp hoạt động tài nguyên nước không quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này đều phải xin cấp phép.

Điều 7. Thẩm quyền cấp phép hoạt động tài nguyên nước

1. Ủy ban nhân dân tỉnh cấp, gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ hiệu lực và thu hồi giấy phép trong những trường hợp sau:

a) Thăm dò, khai thác nước dưới đất đối với các công trình có lưu lượng từ 1000 m³ đến dưới 3000 m³/ngày đêm;

b) Khai thác, sử dụng nước mặt phục vụ sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 1m³ đến 2m³/giây;

c) Khai thác, sử dụng nước mặt phục vụ mục tiêu phát điện với công suất lắp máy từ 1.000 kw đến dưới 2.000 kw;

d) Khai thác, sử dụng nước mặt cho mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m³/ngày đêm;

đ) Xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng từ 2.000m³ đến 5.000m³/ngày đêm.

e) Hành nghề khoan nước dưới đất với quy mô vừa.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường cấp phép, gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ hiệu lực và thu hồi giấy phép trong các trường hợp sau:

a) Thăm dò, khai thác nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 1.000 m³/ngày đêm;

b) Khai thác, sử dụng nước mặt phục vụ sản xuất nông nghiệp có lưu lượng dưới 1m³/giây;

c) Khai thác sử dụng nước mặt để phát điện với công suất lắp máy dưới 1.000 kw;

d) Khai thác, sử dụng nước mặt cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 30.000 m³/ngày đêm;

đ) Xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 2.000 m³/ngày đêm;

e) Hành nghề khoan nước dưới đất với quy mô nhỏ;

f) Tổ chức đăng ký các công trình khai thác nước dưới đất quy định tại điểm c khoản 1 Điều 6 của quy định này.

3. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã (gọi tắt là cấp huyện) tổ chức đăng ký, tiếp nhận, lưu trữ và quản lý hồ sơ đăng ký các công trình khai thác nước dưới đất và xả nước thải vào nguồn nước quy định tại điểm b và điểm d khoản 1 Điều 6 của quy định này.

4. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi tắt là cấp xã) tổ chức đăng ký, tiếp nhận, lưu trữ và quản lý hồ sơ đăng ký khai thác nước dưới đất các trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 quy định này.

Điều 8. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan cấp phép

Cơ quan cấp giấy phép có trách nhiệm và quyền hạn sau đây:

1. Cấp, gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép; đình chỉ hiệu lực, thu hồi giấy phép theo đúng thẩm quyền quy định tại Điều 7 của quy định này;
2. Thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân xin phép biết lý do trong trường hợp từ chối cấp, gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép.

Điều 9. Cơ quan tiếp nhận và quản lý hồ sơ giấy phép

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép quy định tại khoản 1, 2 Điều 7 của quy định này.
2. Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện chịu trách nhiệm tiếp nhận và quản lý hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều 7 của quy định này.
3. Trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan tiếp nhận và quản lý hồ sơ, giấy phép quy định tại Điều 16 Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ và tại khoản 2 Điều 3 Quyết định số 17/2006/QĐ-BTNMT ngày 12 tháng 10 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Chương III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, CẤP, GIA HẠN, THAY ĐỔI THỜI HẠN, ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG, THU HỒI GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 10. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất

Tổ chức, cá nhân xin cấp phép nộp hai (2) bộ hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận.

Mẫu hồ sơ đề nghị cấp giấy phép về tài nguyên nước được quy định tại mục II trong danh mục mẫu hồ sơ cấp phép ban hành kèm theo Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24 tháng 6 năm 2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và danh mục mẫu hồ sơ cấp phép tại Quy định về cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất ban hành kèm theo Quyết định số 17/2006/QĐ-BTNMT ngày 12 tháng 10 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Hồ sơ giấy phép được quy định cụ thể như sau:

1. Hồ sơ cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất:
 - a) Đơn đề nghị cấp giấy phép;
 - b) Các văn bản về tư cách chủ thể, chức năng hành nghề của tổ chức, cá nhân và đơn vị thi công;
 - c) Đề án thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng từ 200 m³/ngày đêm trở lên;Thiết kế giếng thăm dò đối với công trình có lưu lượng nhỏ hơn 200m³/ngày đêm;

d) Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận, hoặc giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai tại nơi thăm dò hoặc văn bản của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền cho phép sử dụng đất để thăm dò.

2. Hồ sơ cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép;

b) Các văn bản về tư cách chủ thể xin khai thác, giấy phép hành nghề của tổ chức, cá nhân và đơn vị thi công;

c) Đề án khai thác nước dưới đất;

d) Bản đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước dưới đất tỷ lệ 1/50.000 đến 1/25.000 theo hệ tọa độ VN 2000;

đ) Báo cáo kết quả thăm dò, đánh giá trữ lượng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng từ 200 m³/ngày đêm trở lên; báo cáo kết quả thi công giếng khai thác đối với công trình có lưu lượng nhỏ hơn 200m³/ngày đêm; báo cáo hiện trạng khai thác đối với công trình khai thác nước dưới đất đang hoạt động;

e) Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước cho mục đích sử dụng theo quy định của Nhà nước tại thời điểm xin cấp phép;

g) Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận, hoặc giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai tại nơi đặt giếng khai thác. Trường hợp đất nơi đặt giếng khai thác không thuộc quyền sử dụng đất của tổ chức, cá nhân xin phép thì phải có văn bản thoả thuận cho sử dụng đất giữa tổ chức, cá nhân khai thác với tổ chức, cá nhân đang có quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền chứng thực.

3. Hồ sơ cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép;

b) Đề án khai thác, sử dụng nước kèm theo quy trình vận hành đối với trường hợp chưa có công trình khai thác; báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước đối với trường hợp đang có công trình khai thác;

c) Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước cho mục đích sử dụng theo quy định của Nhà nước tại thời điểm xin cấp phép;

d) Bản đồ khu vực và vị trí công trình khai thác tỷ lệ 1/50.000 đến 1/25.000 theo hệ tọa độ VN 2000;

đ) Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận, hoặc giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai tại nơi đặt công trình khai thác. Trường hợp đất tại nơi đặt công trình khai thác không thuộc quyền sử dụng đất của tổ chức, cá nhân xin phép thì phải có văn bản thoả thuận cho sử dụng đất giữa tổ chức, cá nhân khai thác với tổ chức, cá nhân đang có quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền chứng thực.

4. Hồ sơ cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép;

b) Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước nơi tiếp nhận nước thải theo quy định của Nhà nước tại thời điểm xin cấp phép;

c) Quy định vùng bảo hộ vệ sinh (nếu có) do cơ quan có thẩm quyền quy định tại nơi dự kiến xả nước thải;

d) Đề án xả nước thải vào nguồn nước, kèm theo quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải; trường hợp đang xả nước thải vào nguồn nước thì phải báo cáo hiện trạng xả nước thải, kèm theo kết quả phân tích thành phần nước thải và giấy xác nhận đã nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

đ) Bản đồ vị trí khu vực xả nước thải vào nguồn nước tỷ lệ 1/10.000 theo hệ toạ độ VN 2000;

e) Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường được cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường phê duyệt hoặc xác nhận theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

g) Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận, hoặc giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai tại nơi đặt công trình xả nước thải. Trường hợp đất tại nơi đặt công trình xả nước thải không thuộc quyền sử dụng đất của tổ chức, cá nhân xin phép thì phải có văn bản thoả thuận cho sử dụng đất giữa tổ chức, cá nhân xả nước thải với tổ chức, cá nhân đang có quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền chứng thực.

5. Hồ sơ cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất:

a) Đơn đề nghị cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất;

b) Bản sao có chứng thực quyết định thành lập tổ chức hoặc giấy đăng ký hoạt động kinh doanh;

c) Bản sao có chứng thực các văn bằng, chứng chỉ của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật và hợp đồng lao động (trong trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép hợp đồng lao động với người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật);

d) Bản khai kinh nghiệm chuyên môn trong hoạt động khoan thăm dò, khoan khai thác nước dưới đất của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép;

đ) Bản khai năng lực chuyên môn kỹ thuật của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.

Điều 11. Thời gian thẩm định hồ sơ

1. Trong thời hạn từ mười lăm (15) ngày đến hai mươi lăm (25) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định, kiểm tra thực tế hiện trường, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt cấp giấy phép (nếu đủ điều kiện cấp phép), trường hợp không đủ điều kiện cấp phép thì trả lại hồ sơ và thông báo lý do trả hồ sơ cho tổ chức, cá nhân xin cấp phép biết;

2. Trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do cơ quan thẩm định trình, cơ quan cấp giấy phép có trách nhiệm xem xét, ban hành quyết định cấp phép hoặc không cấp phép và chuyển lại hồ sơ cho cơ quan tiếp nhận;

3. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm trao giấy phép cho tổ chức, cá nhân được cấp phép hoặc trả lời bằng văn bản về lý do trường hợp không được cấp giấy phép;

d) Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận, hoặc giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai tại nơi thăm dò hoặc văn bản của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền cho phép sử dụng đất để thăm dò.

2. Hồ sơ cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép;

b) Các văn bản về tư cách chủ thể xin khai thác, giấy phép hành nghề của tổ chức, cá nhân và đơn vị thi công;

c) Đề án khai thác nước dưới đất;

d) Bản đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước dưới đất tỷ lệ 1/50.000 đến 1/25.000 theo hệ toạ độ VN 2000;

đ) Báo cáo kết quả thăm dò, đánh giá trữ lượng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng từ 200 m³/ngày đêm trở lên; báo cáo kết quả thi công giếng khai thác đối với công trình có lưu lượng nhỏ hơn 200m³/ngày đêm; báo cáo hiện trạng khai thác đối với công trình khai thác nước dưới đất đang hoạt động;

e) Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước cho mục đích sử dụng theo quy định của Nhà nước tại thời điểm xin cấp phép;

g) Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận, hoặc giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai tại nơi đặt giếng khai thác. Trường hợp đất nơi đặt giếng khai thác không thuộc quyền sử dụng đất của tổ chức, cá nhân xin phép thì phải có văn bản thoả thuận cho sử dụng đất giữa tổ chức, cá nhân khai thác với tổ chức, cá nhân đang có quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền chứng thực.

3. Hồ sơ cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép;

b) Đề án khai thác, sử dụng nước kèm theo quy trình vận hành đối với trường hợp chưa có công trình khai thác; báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước đối với trường hợp đang có công trình khai thác;

c) Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước cho mục đích sử dụng theo quy định của Nhà nước tại thời điểm xin cấp phép;

d) Bản đồ khu vực và vị trí công trình khai thác tỷ lệ 1/50.000 đến 1/25.000 theo hệ toạ độ VN 2000;

đ) Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận, hoặc giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai tại nơi đặt công trình khai thác. Trường hợp đất tại nơi đặt công trình khai thác không thuộc quyền sử dụng đất của tổ chức, cá nhân xin phép thì phải có văn bản thoả thuận cho sử dụng đất giữa tổ chức, cá nhân khai thác với tổ chức, cá nhân đang có quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền chứng thực.

4. Hồ sơ cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép;

b) Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước nơi tiếp nhận nước thải theo quy định của Nhà nước tại thời điểm xin cấp phép;

c) Quy định vùng bảo hộ vệ sinh (nếu có) do cơ quan có thẩm quyền quy định tại nơi dự kiến xả nước thải;

Điều 12. Tổ chức, cá nhân đứng tên hồ sơ đề nghị cấp phép

1. Trường hợp chưa có công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước, công trình xả nước thải vào nguồn nước (đối với các dự án đầu tư có khai thác, sử dụng tài nguyên nước) thì chủ đầu tư đứng tên hồ sơ đề nghị cấp giấy phép và nộp cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ trong giai đoạn thực hiện đầu tư;

2. Trường hợp công trình đang khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, thuộc sở hữu nhà nước nhưng chưa có giấy phép, thì tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành công trình đứng tên hồ sơ đề nghị cấp giấy phép;

3. Trường hợp công trình đang khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước không thuộc sở hữu nhà nước và chưa có giấy phép, thì chủ sở hữu công trình đứng tên hồ sơ đề nghị cấp giấy phép;

4. Trường hợp công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước thuộc sở hữu nhà nước đã có giấy phép cấp cho chủ đầu tư, nhưng chủ đầu tư không trực tiếp quản lý, vận hành thì chủ đầu tư phải có văn bản bàn giao công trình cho tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành công trình. Tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành công trình thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ giấy phép;

5. Tổ chức, cá nhân hành nghề khoan nước dưới đất đứng tên (đối với trường hợp đề nghị cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất).

Điều 13. Thời hạn gia hạn, đình chỉ hiệu lực, thu hồi, trả lại, chấm dứt hiệu lực giấy phép hoạt động tài nguyên nước

Thời hạn gia hạn, đình chỉ hiệu lực, thu hồi, trả lại, chấm dứt hiệu lực giấy phép hoạt động tài nguyên nước được thực hiện theo Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24 tháng 6 năm 2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Quy định về hành nghề khoan nước dưới đất ban hành kèm theo Quyết định số 17/2006/QĐ-BTNMT ngày 12 tháng 10 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định khác có liên quan.

Điều 14. Trình tự, thủ tục gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất, giấy phép khai thác sử dụng nước mặt, giấy phép xả nước thải vào nguồn nước

Tổ chức, cá nhân nộp hai (2) bộ hồ sơ tại Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 7 quy định này. Trình tự, thủ tục gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất, giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt, giấy phép xả nước thải vào nguồn nước thực hiện theo quy định tại Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ; Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24 tháng 6 năm 2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 15. Trình tự, thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất

Tổ chức, cá nhân nộp hai (2) bộ hồ sơ tại Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 7 quy định này. Trình tự, thủ tục gia hạn điều

chỉnh nội dung giấy phép thực hiện theo Điều 14 quy định về việc hành nghề khoan nước dưới đất ban hành kèm theo Quyết định số 17/2006/QĐ-BTNMT ngày 12 tháng 10 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 16. Thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép

Việc thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

1. Đối với giấy phép thăm dò nước dưới đất:

- a) Điều kiện mặt bằng không cho phép thi công một số hạng mục trong đề án thăm dò đã được phê duyệt;
- b) Có sự khác biệt giữa cấu trúc địa chất thuỷ văn thực tế và cấu trúc địa chất thuỷ văn dự kiến trong đề án thăm dò đã được phê duyệt;
- c) Khối lượng các hạng mục thăm dò thay đổi vượt quá 10% so với khối lượng tương ứng đã được phê duyệt.

2. Đối với giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước:

- a) Nguồn nước không bảo đảm việc cung cấp nước như giấy phép đã cấp;
- b) Nhu cầu khai thác, sử dụng nước tăng mà chưa có biện pháp xử lý, bổ sung nguồn nước;
- c) Xảy ra các tình huống bất khả kháng cần phải hạn chế việc khai thác, sử dụng nước.

3. Đối với giấy phép xả nước thải vào nguồn nước:

- a) Nguồn nước không còn khả năng tiếp nhận nước thải hoặc chất lượng của nguồn tiếp nhận thay đổi vượt quá tiêu chuẩn;
- b) Nhu cầu xả nước thải tăng mà chưa có biện pháp xử lý, khắc phục;
- c) Xảy ra các tình huống bất khả kháng cần phải hạn chế việc xả nước thải vào nguồn nước.

4. Đối với giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất:

- a) Chủ giấy phép đề nghị thay đổi quy mô hành nghề hoặc cơ quan cấp phép quyết định thay đổi quy mô hành nghề do chủ giấy phép không còn đáp ứng điều kiện hành nghề, đối với quy mô hành nghề theo giấy phép đã được cấp;
- b) Trường hợp cơ quan cấp phép quyết định điều chỉnh nội dung giấy phép thì cơ quan cấp phép phải thông báo cho chủ giấy phép biết trước ba mươi (30) ngày;
- c) Việc xem xét điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất, căn cứ các điều kiện quy định tại Điều 6; điểm a và điểm b khoản 1 Điều 8 quy định về việc cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất ban hành kèm theo Quyết định số 17/2006/QĐ-BTNMT ngày 12 tháng 10 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 17. Trình tự, thủ tục đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất của hộ gia đình (quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 của quy định này)

1. Hồ sơ đăng ký gồm: Bản đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất (phụ lục số 01);

2. Trình tự thực hiện:

- a) Chủ hộ gia đình đăng ký gửi Ủy ban nhân dân cấp xã 02 bộ hồ sơ;
- b) Trong thời hạn ba (3) ngày làm việc (đối với trường hợp giếng đang khai thác) và trong thời hạn năm (5) ngày (đối với trường hợp khoan giếng mới) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xem xét (ký, đóng dấu) vào bản đăng ký của hộ gia đình và lập sổ theo dõi.

Điều 18. Trình tự, thủ tục đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất không nhằm mục đích kinh doanh phục vụ các hoạt động nghiên cứu khoa học, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, y tế, thể thao mà không nằm trong vùng cấm (quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 của Quy định này)

1. Hồ sơ đăng ký gồm: Bản đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất (phụ lục số 02);

2. Trình tự thực hiện:

- a) Tổ chức xin đăng ký gửi phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện 02 bộ hồ sơ;
- b) Trong thời hạn năm (5) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện có trách nhiệm xem xét (ký, đóng dấu) vào bản đăng ký của tổ chức và lập sổ theo dõi.

Điều 19. Trình tự, thủ tục đăng ký xả nước thải vào nguồn nước của hộ gia đình (quy định tại Điểm d khoản 1 Điều 6 của quy định này)

1. Hồ sơ đăng ký gồm: Bản đăng ký xả nước thải vào nguồn nước (phụ lục số 03);

2. Trình tự thực hiện:

- a) Chủ hộ gia đình đăng ký gửi Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện 02 bộ hồ sơ;
- b) Trong thời hạn năm (5) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện có trách nhiệm xem xét (ký, đóng dấu) vào bản đăng ký của các hộ gia đình và lập sổ theo dõi.

Chương IV

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN HOẠT ĐỘNG TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 20. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân

Tổ chức, cá nhân được phép hoạt động tài nguyên nước có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 17, Điều 18 Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ và Điều 4 Quy định về việc cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất ban hành kèm theo Quyết định số 17/2006/QĐ-BTNMT ngày 12 tháng 10 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, quy định này và các quy định khác có liên quan.

Điều 21. Giám sát hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất

1. Tổ chức, cá nhân được cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước có nghĩa vụ lắp đặt thiết bị đo lưu lượng nước theo đúng quy định và ghi chép lưu lượng nước thô đã khai thác hàng ngày vào sổ vận hành công trình. Đối với công trình khai thác, sử dụng nước để phát điện phải có thêm biểu đồ phụ tải.

2. Tổ chức, cá nhân được cấp phép xả nước thải có nghĩa vụ:

a) Lắp đặt thiết bị đo lưu lượng nước xả thải theo đúng quy định và ghi chép lưu lượng nước đã xả thải vào nguồn nước hàng ngày vào sổ vận hành công trình;

b) Kiểm tra chất lượng, thành phần nước thải, chất lượng nguồn nước nơi tiếp nhận nước thải ba (3) tháng một (1) lần.

3. Tổ chức, cá nhân hoạt động hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh phải thông báo bằng văn bản về vị trí, quy mô công trình khoan thăm dò, khoan khai thác nước dưới đất và thời gian dự kiến thi công cho cơ quan quản lý tài nguyên nước tại địa phương nơi đặt công trình chậm nhất là (07) ngày làm việc trước khi thi công; thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn lao động theo quy định và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý tài nguyên nước ở địa phương về những nội dung được ghi trong giấy phép và các quy định có liên quan của pháp luật về tài nguyên nước.

Điều 22. Báo cáo hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất

1. Tổ chức, cá nhân được cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước có trách nhiệm báo cáo đến cơ quan đã cấp phép sáu (6) tháng một (1) lần số liệu về lưu lượng nước thô đã khai thác hàng ngày.

2. Tổ chức, cá nhân được cấp phép xả nước thải vào nguồn nước thực hiện chế độ báo cáo đến cơ quan cấp phép ba (3) tháng một (1) lần, gồm các nội dung sau:

a) Số liệu về lưu lượng nước đã xả thải vào nguồn nước hàng ngày;

b) Kết quả phân tích chất lượng, thành phần nước thải, chất lượng nguồn nước nơi tiếp nhận nước thải.

3. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước khi gặp sự cố, gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng nguồn nước hoặc phát hiện các trường hợp bất thường về chất lượng nguồn nước, phải báo cáo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi xảy ra sự cố để được hướng dẫn xử lý.

4. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng nước dưới đất từ các công trình khai thác mới thay thế công trình đã bị hư hỏng hoặc giảm công suất khai thác thuộc trường hợp không phải đề nghị cấp phép mới theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 6 quy định này có nghĩa vụ thông báo cho cơ quan có thẩm quyền nơi đã cấp phép ban đầu, trước khi tiến hành thi công công trình khai thác mới để thực hiện công tác điều chỉnh giấy phép.

5. Tổ chức, cá nhân được cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất có trách nhiệm báo cáo đến cơ quan cấp phép và Sở Tài nguyên và Môi trường 6 tháng một

lên về số liệu khoan thăm dò, khoan khai thác nước dưới đất đã thực hiện. Cung cấp đầy đủ và trung thực dữ liệu, thông tin công trình thăm dò, khai thác nước dưới đất mà mình đã thi công khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu. Thông báo bằng văn bản cho cơ quan cấp phép đối với trường hợp có sự thay đổi về địa chỉ thường trú, người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật, nội dung đăng ký hoạt động kinh doanh hoặc nhiệm vụ được giao theo quyết định của cấp có thẩm quyền so với hồ sơ đề nghị cấp phép. Thời gian thông báo chậm nhất là 25 ngày kể từ ngày có sự thay đổi.

Điều 23. Công tác trám lấp giếng

Tổ chức, cá nhân thăm dò, khai thác, sử dụng, hành nghề khoan nước dưới đất có nghĩa vụ trám lấp các giếng khoan, giếng đào bị hư hỏng, không còn sử dụng hoặc không đạt yêu cầu, sau khi kết thúc giai đoạn thăm dò, khai thác theo đúng quy định. Trước khi trám lấp giếng, tổ chức, cá nhân là chủ giấy phép hoặc quản lý, vận hành công trình có nghĩa vụ thông báo cho cơ quan có thẩm quyền nơi đã cấp giấy phép thăm dò, khai thác hoặc thụ lý việc đăng ký khai thác biết.

Chương V

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, THANH TRA CHUYÊN NGÀNH VỀ HOẠT ĐỘNG TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 24. Chế độ báo cáo

1. Định kỳ hàng quý, hàng năm và đột xuất, Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã có trách nhiệm tổng kết, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình quản lý, đăng ký, cấp phép hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn.

2. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã có trách nhiệm gửi báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 25 tháng cuối của quý. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 15 tháng đầu của quý kế tiếp.

Điều 25. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo

Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực tài nguyên nước thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Chương VI

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 26. Sở Tài nguyên và Môi trường có nhiệm vụ:

1. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật hiện hành; lập quy hoạch, kế hoạch quản lý, thông tin, tuyên truyền, cấp phép, kiểm tra, thanh tra hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh nhằm bảo vệ, khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên nước;

2. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương, các cơ quan quản lý nhà nước các tỉnh liên quan trong công tác quản lý, thông tin, tuyên truyền bảo vệ tài nguyên nước, xây dựng và thực hiện các biện pháp nhằm bảo vệ nguồn nước, phòng, chống, khắc phục hậu quả do nước gây ra;

3. Tiếp nhận, hướng dẫn, tổ chức thẩm định hồ sơ xin cấp, gia hạn, chuyển nhượng, thừa kế, trả lại giấy phép hoạt động tài nguyên nước; các dự án đầu tư khai thác, sử dụng tài nguyên nước; đăng ký khai thác nước dưới đất và lưu trữ hồ sơ theo sự phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh;

4. Tổ chức kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật;

5. Tổ chức việc điều tra cơ bản, kiểm kê, đánh giá tài nguyên nước tại địa phương theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường và sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh;

6. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tài nguyên và Môi trường về tình hình quản lý, cấp phép hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh;

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 27. Trách nhiệm của các Sở, Ngành liên quan

1. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, Ngành liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phương án phí, lệ phí; chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí cấp giấy phép tài nguyên nước, thuế tài nguyên nước thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức thu thuế tài nguyên nước theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền;

2. Các Sở, Ngành liên quan khác trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên nước.

Điều 28. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã

1. Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn cấp huyện theo quy định của pháp luật và của Ủy ban nhân dân tỉnh;

2. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan trong công tác lập quy hoạch, quản lý, thông tin, tuyên truyền về tài nguyên nước nhằm khai thác, sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên nước;

3. Xây dựng và thực hiện các biện pháp nhằm bảo vệ nguồn nước; phòng, chống, khắc phục hậu quả do nước gây ra, kết hợp với việc bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên khác, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, tài sản của nhà nước;

4. Xây dựng kế hoạch, tổ chức thanh tra, kiểm tra, phối hợp kiểm tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động tài nguyên nước của các tổ

chức, cá nhân trên địa bàn; giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật;

5. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, giám sát việc thi hành pháp luật về tài nguyên nước, quy định này và các quy định khác có liên quan, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm pháp luật về hoạt động tài nguyên nước tại địa phương theo quy định của pháp luật;

6. Thực hiện chế độ báo thường xuyên, định kỳ, đột xuất cho Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình quản lý các hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn.

Điều 29. Phòng Tài nguyên và môi trường huyện, thành phố, thị xã

1. Giúp Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã về kết quả công việc được giao;

2. Tổ chức đăng ký, quản lý hồ sơ đăng ký khai thác nước dưới đất, xả nước thải vào nguồn nước của tổ chức và hộ gia đình không phải xin cấp phép theo nội dung tại điểm b và điểm d khoản 1 Điều 6 của quy định này;

3. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã và Sở Tài nguyên và Môi trường để hoàn thiện chính sách quản lý tài nguyên nước;

4. Thực hiện chế độ báo cáo thường xuyên, định kỳ và đột xuất về tình hình khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước và hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã và Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 30. Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn theo quy định của pháp luật, sự chỉ đạo và hướng dẫn của các cơ quan liên quan trong công tác quy hoạch, quản lý, thông tin tuyên truyền về hoạt động tài nguyên nước. Xây dựng và tổ chức thực hiện các biện pháp nhằm bảo vệ nguồn nước, phòng, chống, khắc phục hậu quả do nước gây ra, kết hợp với việc bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên khác, bảo vệ tài sản của nhà nước, tính mạng và tài sản của nhân dân;

3. Tham gia công tác hoà giải, giải quyết khiếu nại tố cáo về tài nguyên nước; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, giám sát việc thi hành pháp luật về tài nguyên nước; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về hoạt động tài nguyên nước tại địa phương;

4. Tổ chức đăng ký và quản lý hồ sơ đăng ký khai thác nước dưới đất của các hộ gia đình không phải xin phép theo nội dung tại điểm a khoản 1 Điều 6 của quy định này;

5. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất cho Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã về tình hình quản lý hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn quản lý.

Chương VII KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 31. Khen thưởng

1. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên nước;
2. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân hoạt động tài nguyên nước trái phép, không có giấy phép của cấp có thẩm quyền; tổ chức, cá nhân có hành vi cản trở việc bảo vệ tài nguyên nước, cản trở hoạt động tài nguyên nước hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác, cản trở việc kiểm tra, thanh tra tài nguyên nước hoặc các vi phạm khác theo quy định của pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự và bồi thường thiệt hại gây ra (nếu có).

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 33. Điều khoản thi hành

Căn cứ nội dung Quy định này, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, thực hiện và kiểm tra việc thực hiện quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc, hoặc Chính phủ ban hành những văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến nội dung của quy định này, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các ngành, đề xuất những nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. / *ccccc*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

Đ. CHỦ TỊCH



Trần Minh Kỳ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT
(Đối với hộ gia đình không phải xin giấy phép)

Kính gửi:(tên cơ quan đăng ký)

- Họ và tên(chủ hộ gia đình)
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- 1. Nội dung đăng ký
- Mục đích khai thác, sử dụng nước:
- Vị trí công trình khai thác:.....
- Số giếng khai thác: giếng (khoan, đào); chiều sâu: m
- Đường kính giếng: mm
- Tổng lượng nước khai thác:(m³/ngày đêm).
- Chế độ khai thác:(giờ/ngày đêm)
- 2. Đơn vị thi công.....(đối với trường hợp khoan giếng mới).
- 3. Giấy tờ kèm theo bản đăng ký (nếu có)
- Bản hợp đồng thi công giếng (đối với trường hợp khoan giếng mới).

Chúng tôi cam kết chấp hành đúng nội dung đăng ký và quy định về khai thác, sử dụng, bảo vệ nguồn nước theo pháp luật về tài nguyên nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Số /200.../ĐK/SDNDĐ
.....ngàytháng.....năm

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

..... ngày tháng năm ...

CHỦ HỘ GIA ĐÌNH
(ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT
(Đối với tổ chức không nhằm mục đích kinh doanh)

Kính gửi:(tên cơ quan đăng ký)

- Tên tổ chức :
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Fax:

1. Nội dung đăng ký

- Mục đích khai thác, sử dụng nước:
- Tầng chứa nước khai thác:
- Vị trí công trình khai thác:

Số hiệu, vị trí và thông số cụ thể của từng giếng khai thác cụ thể như sau:

Số hiệu giếng	Toạ độ		Lưu lượng (m ³ /ngày đêm)	Chế độ khai thác (giờ/ngày đêm)	Chiều sâu ống lọc (m)		Chiều sâu mực nước tĩnh (m)	Chiều sâu mực nước động cho phép (m)
	X	Y			Từ	Đến		

2. Đơn vị thi công:(đối với trường hợp khoan giếng mới).

3. Giấy tờ tài liệu nộp kèm theo bản đăng ký này:

- Bản hợp đồng thi công giếng (đối với trường hợp khoan giếng mới).

Chúng tôi cam kết chấp hành đúng nội dung đăng ký và quy định về khai thác, sử dụng, bảo vệ nguồn nước theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Số / 200.../ĐK/SDNDD

.....ngày.....thángnăm
PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

..... ngày tháng năm ...
TÊN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

(Đối với hộ gia đình không phải xin giấy phép)

Kính gửi:..... (tên cơ quan đăng ký)

- Họ và tên:..... (chủ hộ gia đình)
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh:

1. Nội dung đăng ký:

- Nhu cầu sử dụng nước:m³/ngày đêm
- Đặc trưng nguồn nước thải: (nước thải sinh hoạt, sản xuất, nhà hàng.....)
- Nguồn nước tiếp nhận nước thải:
- Vị trí nơi xả nước thải:.....thôn/xóm...xã/phường/thị trấn.....huyện/thị xãtỉnh Hà Tĩnh.
- Phương thức xả thải: (bơm, tự chảy, xả ngầm, xả mặt ...)
- Chế độ xả thải..... (chu kỳ và thời gian xả thải, ..)
- Lưu lượng nước xả thải: m³/ngày đêm
- Công trình xử lý nước thải:..... (Hệ thống thu gom, xử lý nước thải ...)
- Chất lượng nước thải sau khi xử lý:
- Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước:

2. Giấy tờ kèm theo bản đăng ký:

- Giấy đăng ký kinh doanh số:

Chúng tôi cam kết chấp hành đúng nội dung đăng ký và các quy định của pháp luật về tài nguyên nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Số đăng ký:/200../ĐK/XNT
.....ngày.....thángnăm.....
PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

..... ngày tháng năm ...
CHỦ HỘ GIA ĐÌNH
(ký, ghi rõ họ tên)